

Nhìn lại hoạt động thương mại năm 2024

Vũ Việt Linh

Trưởng Phòng, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
linh.vuviet@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

Phạm Vũ Thăng Long

Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Trong tháng 12, KNXXK và KNNK tăng 12,8% và 19,2% svck (so với tăng 8,2% và 9,8% svck trong tháng 11). KNXXK tăng tốc nhờ thị trường Trung Quốc hồi phục mạnh trong tháng 12, tăng 9,4% svck sau khi giảm 15,3% svck trong tháng 11.
- Trong năm 2024, KNXXK và KNNK tăng trưởng lần lượt 14,3% và 16,7% (so với dự báo của chúng tôi là tăng 15% và 17,5%). Cán cân thương mại thặng dư 24,8 tỷ USD trong năm 2024 và là động lực quan trọng giúp hạ nhiệt thị trường ngoại hối, đặc biệt là trong Q1 và Q3/2024.
- HSC dự báo KNXXK và KNNK giảm 13,6% và 9,2% svck trong tháng 1 (do kỳ nghỉ Tết làm giảm số ngày làm việc) sau đó tăng trở lại 30,2% và 21,2% svck trong tháng 2. Cho năm 2025, chúng tôi giữ nguyên dự báo KNXXK và KNNK đều tăng 11%.

Tăng trưởng thương mại của Việt Nam vượt trội so với các quốc gia trong khu vực trong năm 2024

Trong năm 2024, KNXXK và KNNK tăng trưởng 14,3% và 16,7% (so với giảm 4,6% và 9,2% so với cùng kỳ trong năm 2023). Cán cân thương mại thặng dư 24,8 tỷ USD trong năm 2024 (so với thặng dư 28,4 tỷ USD trong năm 2023) và là hỗ trợ quan trọng cho đồng VND, đặc biệt là trong Q1 và Q3/2024.

Tăng trưởng KNXXK trong năm 2024 của Việt Nam đạt 14,3%, vượt trội so với các quốc gia trong khu vực, trong đó KNXXK của Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia chỉ tăng trưởng lần lượt 9,9%, 8,1%, 5,8%, 2,5% và 2,3% trong năm 2024.

Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh thương mại với cả Mỹ và Trung Quốc

Trong năm 2024, KNXXK sang Mỹ tăng 23%, trong khi KNNK từ Trung Quốc cũng tăng 29%. Từ đó, thặng dư thương mại của Việt Nam với Mỹ và thâm hụt thương mại với Trung Quốc đều đạt mức cao kỷ lục trong năm 2024, tăng lần lượt 26% và 66%.

Sản phẩm CNTT và máy móc tiếp tục là động lực tăng trưởng chính

Trong năm 2024, KNXXK các sản phẩm CNTT và máy móc tăng trưởng mạnh lần lượt 14% và 21%, đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng KNNK tổng thể. Các mặt hàng xuất khẩu truyền thống hơn như nông sản, dệt may & giày dép cũng tăng trưởng vững chắc lần lượt 19% và 11% trong năm 2024. Mặc dù tổng KNXXK của các mặt hàng này chỉ bằng hai phần ba KNXXK các sản phẩm CNTT công nghệ và máy móc, tổng thặng dư thương mại của những sản phẩm này cao hơn gần 5 lần so với các sản phẩm CNTT & máy móc trong năm 2024.

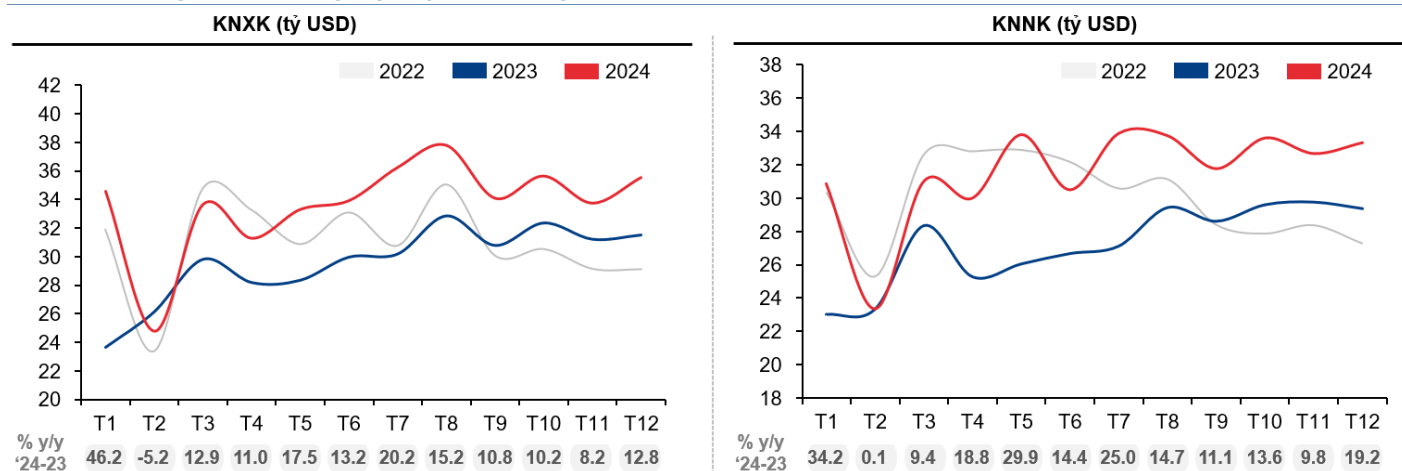
HSC giữ nguyên dự báo KNXXK và KNNK cho năm 2025-2026

Trong ngắn hạn, HSC dự báo KNXXK và KNNK sẽ giảm lần lượt 13,6% và 9,2% svck trong tháng 1 (do kỳ nghỉ Tết làm giảm số ngày làm việc). Trong tháng 2, chúng tôi dự báo KNXXK và KNNK sẽ tăng trưởng lần lượt 30,2% và 21,2% svck. Từ đó, thặng dư thương mại được dự báo đạt 1,8 tỷ USD và 3,9 tỷ USD trong tháng 1 và tháng 2/2025.

Cho năm 2025, HSC giữ nguyên dự báo tăng trưởng KNXXK và KNNK đều đạt 11%, tương đương thặng dư thương mại đạt 27,5 tỷ USD.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/1.

Biểu đồ 1: Tổng quan thương mại Việt Nam trong năm 2024



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Cập nhật triển vọng thương mại hàng tháng

Trong năm 2024, KNXK và KNNK tăng 14,3% và 16,7% (so với giảm 4,6% và 9,2% svck trong năm 2023), vượt trội so với các quốc gia trong khu vực như Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia. HSC dự báo KNXK và KNNK sẽ giảm lần lượt 13,6% và 9,2% svck trong tháng 1/2025 do kỳ nghỉ Tết (số ngày làm việc ít hơn), sau đó tăng trở lại 30,2% và 21,2% svck trong tháng 2. Cho năm 2025, chúng tôi giữ nguyên dự báo tăng trưởng KNXK và KNNK đều đạt 11%.

Tóm tắt tình hình thương mại năm 2024

Trong tháng 12, KNXK và KNNK tăng 12,8% và 19,2% svck (so với tăng 8,2% và 9,8% svck trong tháng 11). KNXK tăng tốc nhờ thị trường Trung Quốc phục hồi mạnh mẽ, tăng 9,4% svck trong tháng 12 (so với giảm 15,3% svck trong tháng 11).

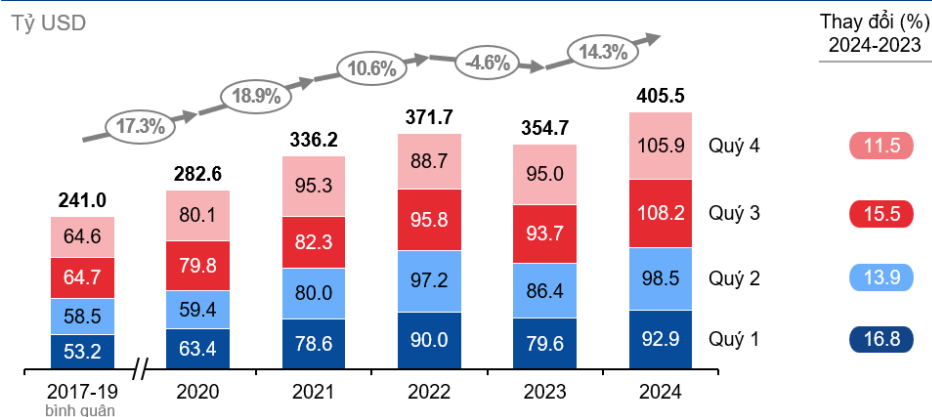
Tính chung cả năm 2024, KNXK và KNNK tăng trưởng 14,3% và 16,7% (so với giảm lần lượt 4,6% và 9,2% svck trong năm 2023), thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi là tăng 15% và 17,5% (Biểu đồ 2 & 3).

Tăng trưởng KNXK cả năm 2024 của Việt Nam (đạt 14,3%) tiếp tục vượt trội so với các quốc gia trong khu vực, trong khi KNXK của Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia chỉ tăng lần lượt 9,9%, 8,1%, 5,8%, 2,5% và 2,3% trong năm 2024 (Mời xem Biểu đồ 23 trong phần Phụ lục).

Cán cân thương mại thặng dư 24,8 tỷ USD trong năm 2024 và là hỗ trợ quan trọng giúp hạ nhiệt thị trường ngoại hối, đặc biệt là trong Q1 và Q3/2024 (Biểu đồ 4).

Biểu đồ 2: KNXK của Việt Nam theo quý

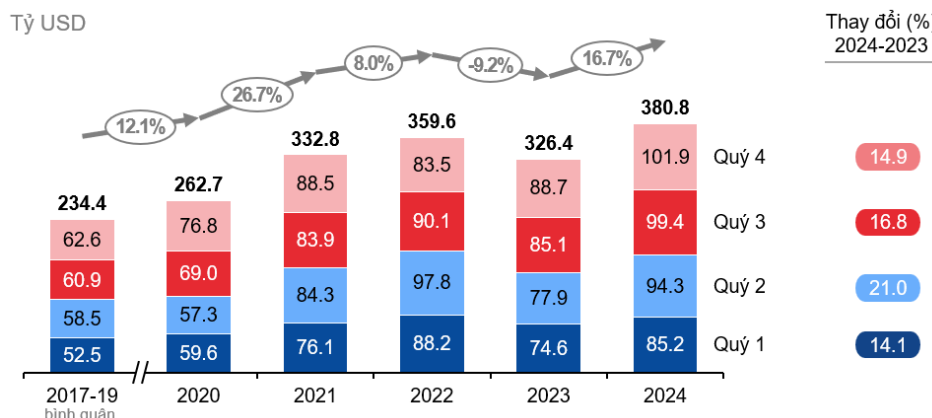
Trong năm 2024, KNXK tăng trưởng 14,3%, phục hồi từ mức giảm 4,6% trong năm 2023



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 3: KNNK của Việt Nam theo quý

Trong năm 2024, KNNK tăng trở lại 16,7% sau khi giảm 9,2% trong năm 2023



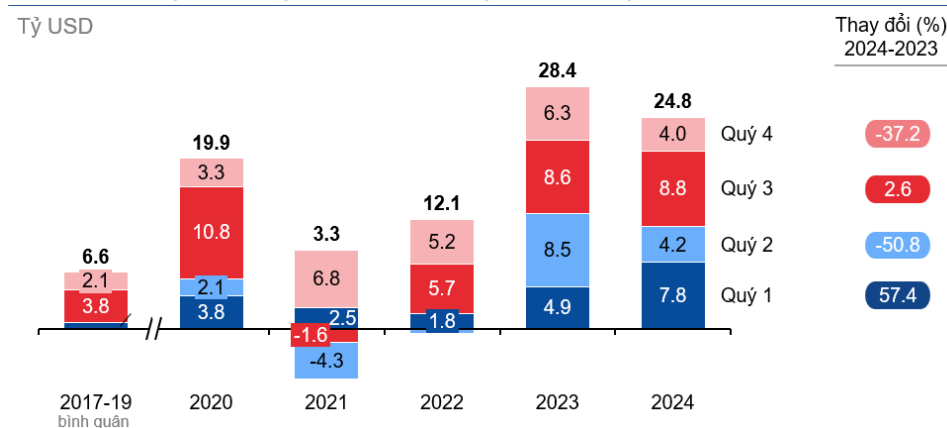
Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Trong năm 2024, tăng trưởng KNXK giảm tốc từ tăng 15,5% so với cùng kỳ trong Q3 xuống tăng 11,5% so với cùng kỳ trong Q4, một phần là do mức nền tăng lên.

Trong năm 2024, tăng trưởng KNNK cũng chững lại trong nửa cuối năm, một phần cũng do mức nền tăng lên.

Biểu đồ 4: Cán cân thương mại của Việt Nam theo quý

Cán cân thương mại vẫn ghi nhận mức thặng dư cao trong năm 2024



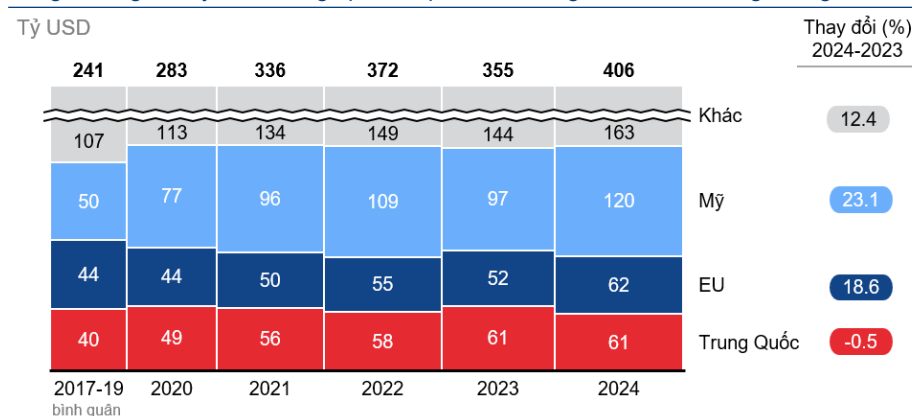
Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh thương mại với Mỹ và Trung Quốc

Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam (chiếm khoảng 30% tổng KNXK) với KNXK sang Mỹ tăng 23% trong năm 2024. Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu hàng đầu của Việt Nam (chiếm khoảng 38% tổng KNNK) với KNNK từ Trung Quốc tăng 29% trong năm 2024 (Biểu đồ 5 & 6). Từ đó, thặng dư thương mại với Mỹ và thâm hụt thương mại với Trung Quốc của Việt Nam đều đạt mức cao kỷ lục trong năm 2024, tăng lần lượt 26% và 66% (Biểu đồ 7).

Biểu đồ 5: KNXK của Việt Nam theo các đối tác lớn

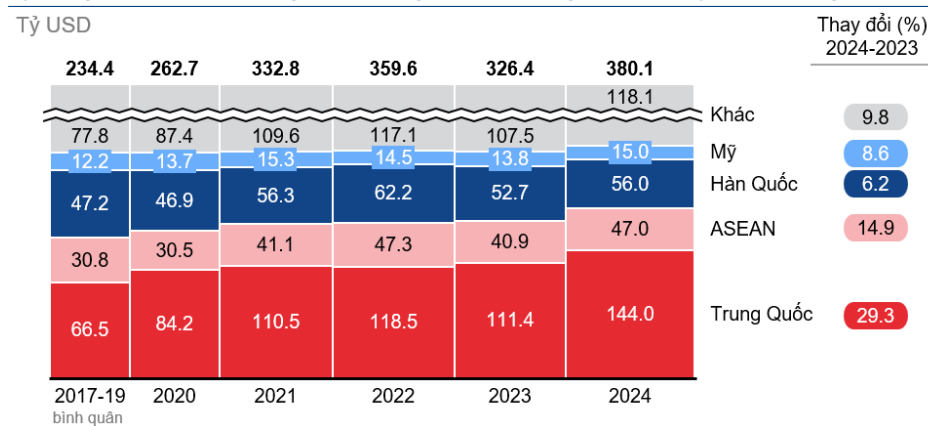
Tăng trưởng tại Mỹ & EU đã giúp bù đắp cho sự sụt giảm tại thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 6: KNNK của Việt Nam theo các đối tác lớn

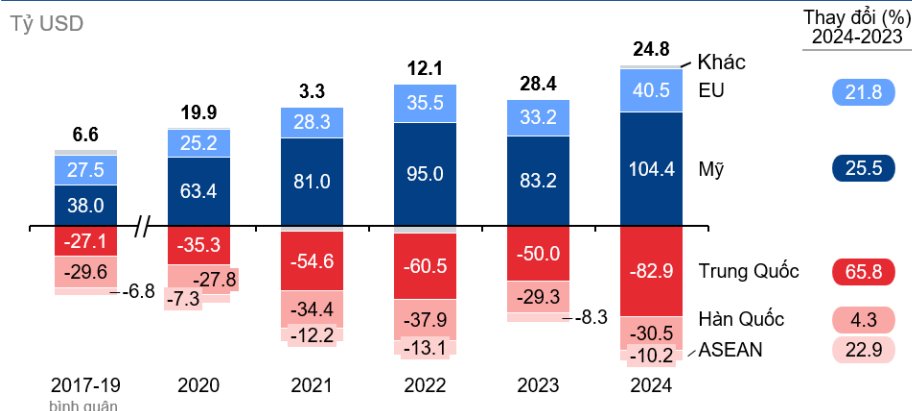
Tỷ trọng NK từ TQ trên tổng KNNK tăng lên 38% trong năm 2024 (sv 34% trong năm 2023)



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 7: Cán cân thương mại của Việt Nam theo các đối tác lớn

Thặng dư TM với Mỹ & thâm hụt TM với Trung Quốc đều đạt mức cao kỷ lục trong 2024



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

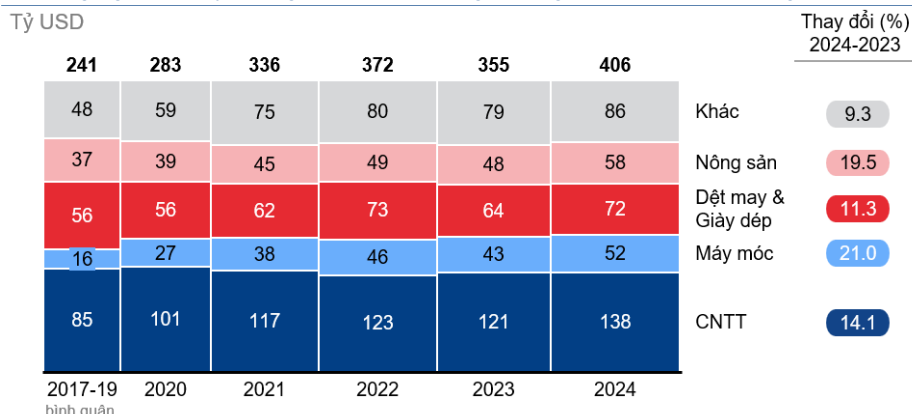
Sản phẩm CNTT và máy móc vẫn là động lực tăng trưởng chính

Trong năm 2024, các sản phẩm CNTT & máy móc (đóng góp khoảng 48% tổng KNTM) là động lực chính, tăng mạnh 14%-21% ở cả KNXK và KNNK (Biểu đồ 8 & 9).

KNXK nông sản, dệt may & giày dép cũng tăng trưởng tích cực 19% và 11% trong 2024. Mặc dù tổng KNXK của các sản phẩm này chỉ bằng hai phần ba KNXK của các sản phẩm CNTT và máy móc, tổng thặng dư thương mại của những sản phẩm này cao hơn gần 5 lần so với các sản phẩm CNTT & máy móc (Biểu đồ 10).

Biểu đồ 8: KNXK của Việt Nam theo các nhóm sản phẩm chủ lực

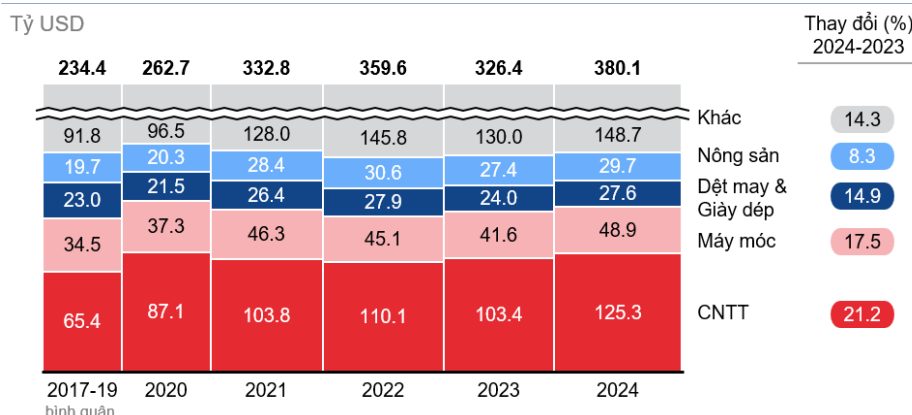
SP công nghệ & máy móc ghi nhận mức tăng trưởng KNXK cao nhất trong năm 2024



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 9: KNNK của Việt Nam theo các nhóm sản phẩm chủ lực

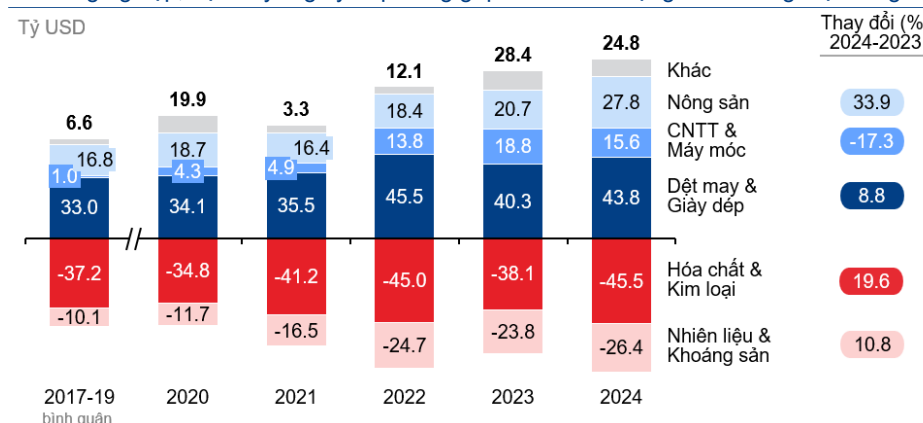
SP công nghệ, dệt may & giày dép có KNXK tăng nhanh hơn KNNK trong 2024



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Chúng tôi phân tích chi tiết hơn về KNXK từng sản phẩm chính trong phần Phụ lục (Biểu đồ 14-22), bao gồm số liệu hàng quý, cơ cấu các nhóm sản phẩm và đối tác thương mại lớn. Đáng chú ý, tăng trưởng KNXK nông sản đạt mức cao nhất kể từ năm 2011, với động lực chính từ nhóm cà phê, gạo và rau quả.

Biểu đồ 10: Cán cân thương mại của Việt Nam theo các nhóm sản phẩm chủ lực
SP nông nghiệp, dệt may & giày dép đóng góp chính vào thặng dư thương mại trong 2024



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

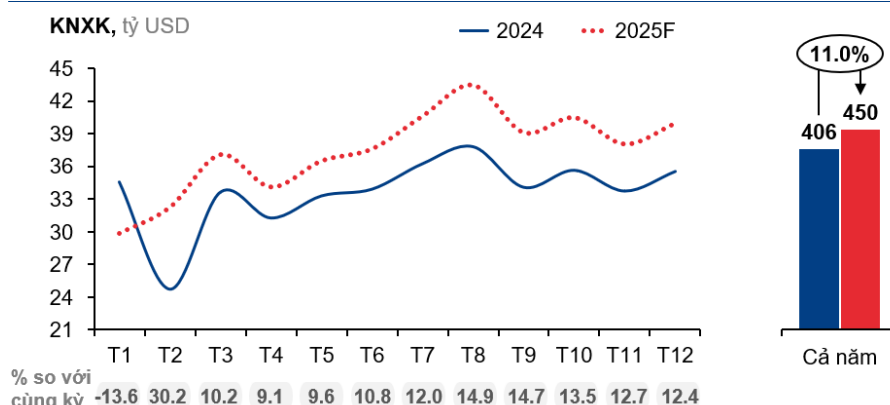
HSC giữ nguyên dự báo KNXK và KNNK cho năm 2025-2026

Trong ngắn hạn, HSC dự báo KNXK và KNNK sẽ giảm lần lượt 13,6% và 9,2% svck trong tháng 1 do kỳ nghỉ Tết (số ngày làm việc ít hơn). Trong tháng 2, chúng tôi dự báo KNXK và KNNK sẽ tăng trở lại lần lượt 30,2% và 21,2% svck (Biểu đồ 11 & 12).

Theo đó, cán cân thương mại được dự báo sẽ thặng dư lần lượt 1,8 tỷ USD và 3,9 tỷ USD trong tháng 1 và tháng 2/2025.

Biểu đồ 11: Tổng quan dự báo KNXK hàng tháng

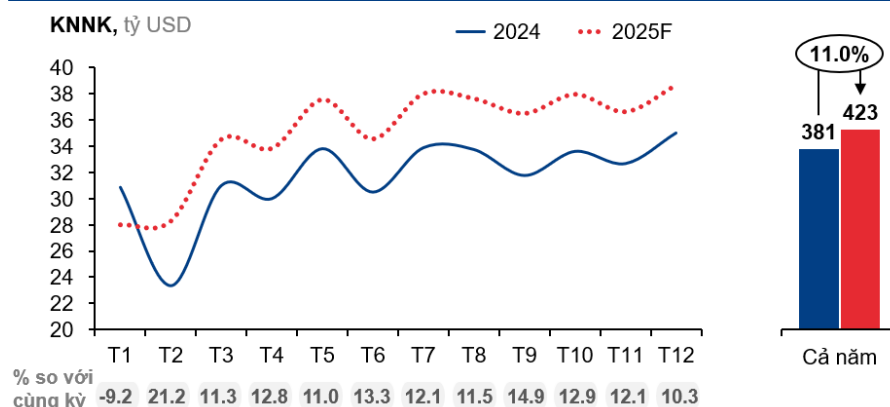
HSC dự báo KNXK sẽ giảm 13,6% trong tháng 1 do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 12: Tổng quan dự báo KNNK hàng tháng

HSC dự báo KNNK sẽ giảm 9,2% trong tháng 1 do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

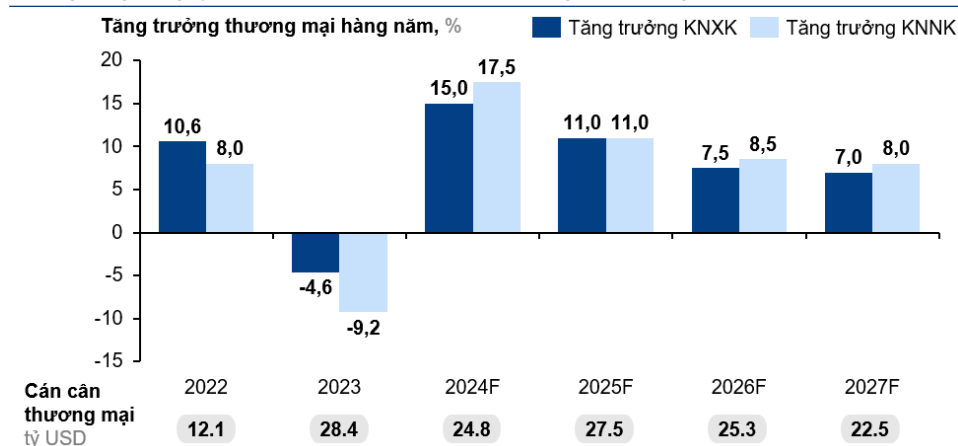
Trong giai đoạn 2025-2027, HSC tiếp tục dự báo tăng trưởng thương mại của Việt Nam sẽ giảm tốc nhưng vẫn ở mức vừa phải, do chính sách thuế quan mạnh mẽ của Mỹ. Cụ thể, chúng tôi dự báo KNXK sẽ tăng trưởng lần lượt 11%, 7,5% và 7% trong giai đoạn 2025-2027 (Mời xem: [Thương mại & FDI giai đoạn 2025-2027: Nhìn xa hơn chính sách thuế quan của ông Trump](#), HSC).

Trong khi đó, chúng tôi dự báo KNNK của Việt Nam sẽ tăng trưởng lần lượt 11%, 8,5% và 8% trong giai đoạn 2025-2027. KNNK được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh cao KNXK trong năm 2026 và 2027 dựa trên giả định Việt Nam sẽ đẩy mạnh nhập khẩu từ Trung Quốc và Mỹ.

Từ đó, chúng tôi dự báo cán cân thương mại sẽ thặng dư lần lượt 27,5 tỷ USD và 25,3 tỷ USD trong năm 2025 và 2026 (Biểu đồ 13).

Biểu đồ 13: Tổng quan dự báo thương mại theo năm

Chúng tôi giữ nguyên dự báo KNXK & KNNK sẽ tăng 11% trong năm 2025



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

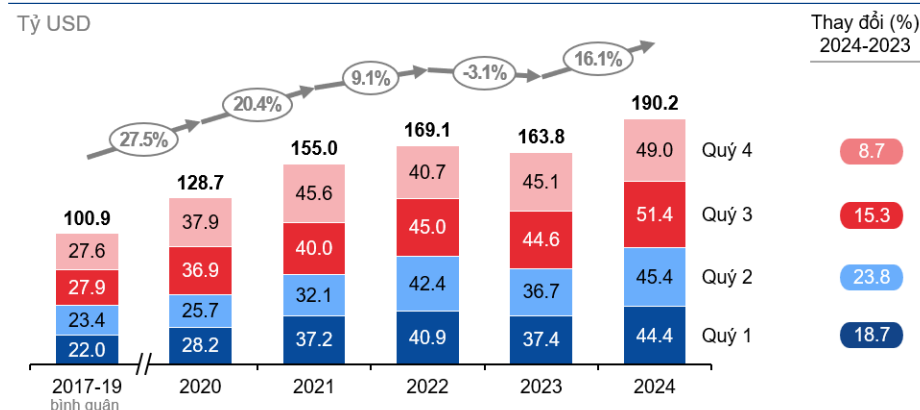
Phụ lục:

Cơ cấu KNXK các sản phẩm CNTT & máy móc

KNXK các sản phẩm CNTT & máy móc (đóng góp khoảng 48% tổng KNXK) tăng 16,1% trong 2024, sau khi giảm nhẹ trong 2023 nhờ nhu cầu cải thiện ở Mỹ và Châu Âu. Tuy nhiên, tăng trưởng không đồng đều giữa các nhóm, trong đó KNXK điện thoại tăng chậm hơn đáng kể so với KNXK máy móc, máy tính & sản phẩm điện tử.

Biểu đồ 14: KNXK sản phẩm công nghệ & máy móc của Việt Nam

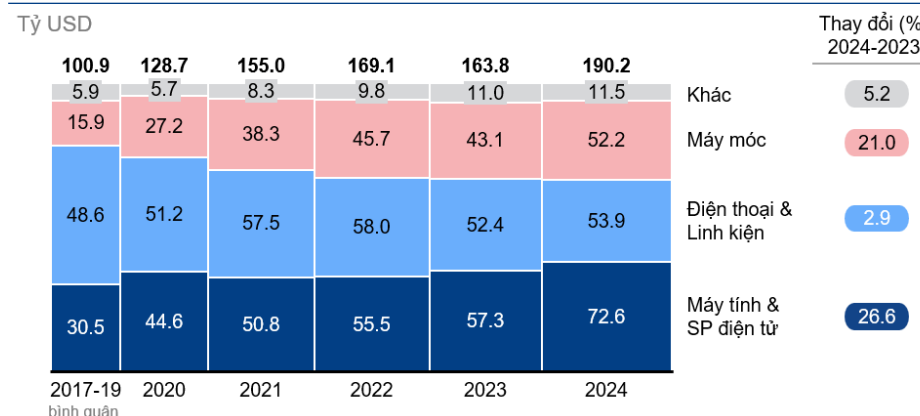
Tăng trưởng KNXK của nhóm SP công nghệ & máy móc đã chậm lại trong 6T cuối 2024



Nguồn: CEIC, Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 15: KNXK SP công nghệ & máy móc của Việt Nam theo phân nhóm SP

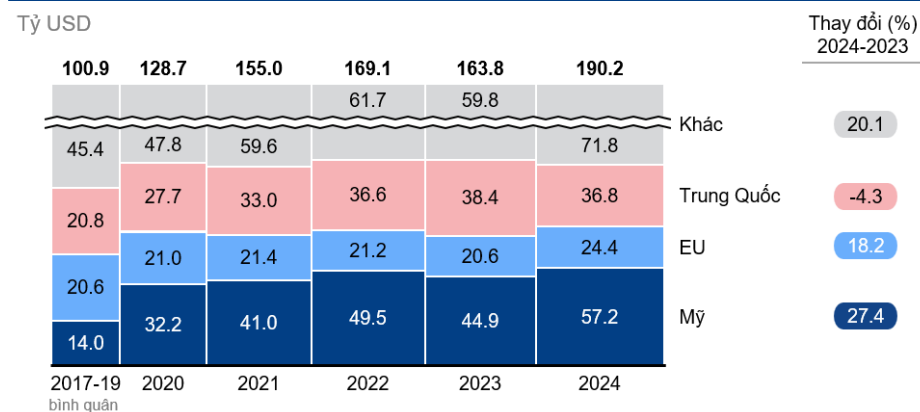
KNXK SP điện thoại tăng thấp hơn nhiều so với máy móc, máy tính & sản phẩm điện tử



Nguồn: CEIC, Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 16: KNXK SP công nghệ & máy móc của Việt Nam theo các đối tác lớn

KNXK công nghệ & máy móc tăng mạnh tại thị trường Mỹ & EU trong năm 2024



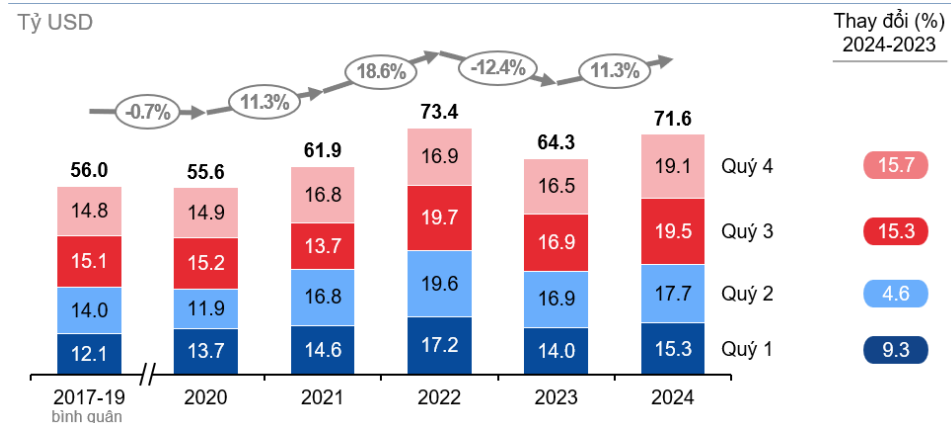
Nguồn: CEIC, Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Cơ cấu KNXK các sản phẩm dệt may & giày dép

KNXK các sản phẩm dệt may & giày dép (đóng góp khoảng 18% tổng KNXK) tăng 11,3% trong 2024, phục hồi sau khi giảm 12,4% svck trong năm 2023, nhờ nhu cầu cải thiện ở Mỹ và Châu Âu. Trong số các sản phẩm phụ quan trọng, sự phục hồi nhìn chung diễn ra đồng đều, ngoại trừ sợi, chỉ tăng trưởng nhẹ 1,2% trong năm 2024.

Biểu đồ 17: KNXK sản phẩm dệt may & giày dép của Việt Nam

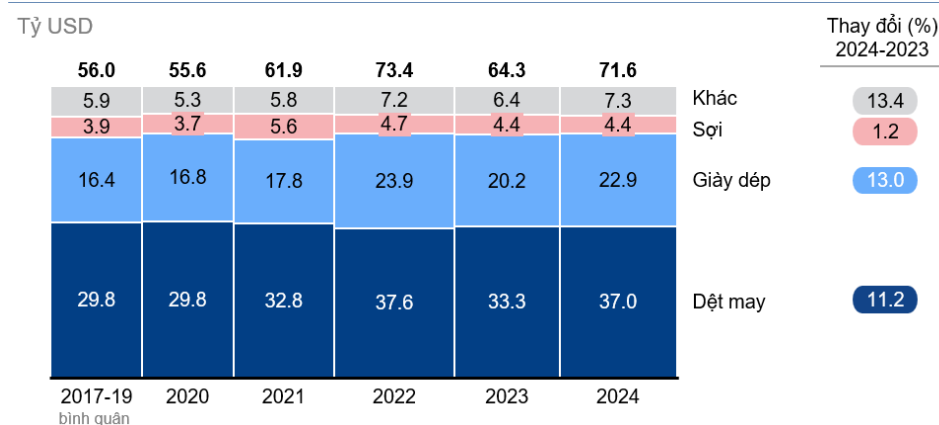
Trong 6 tháng cuối năm năm 2024, KNXK SP dệt may & giày dép đã cải thiện đáng kể



Nguồn: CEIC, Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 18: KNXK sản phẩm dệt may & giày dép của Việt Nam theo phân nhóm SP

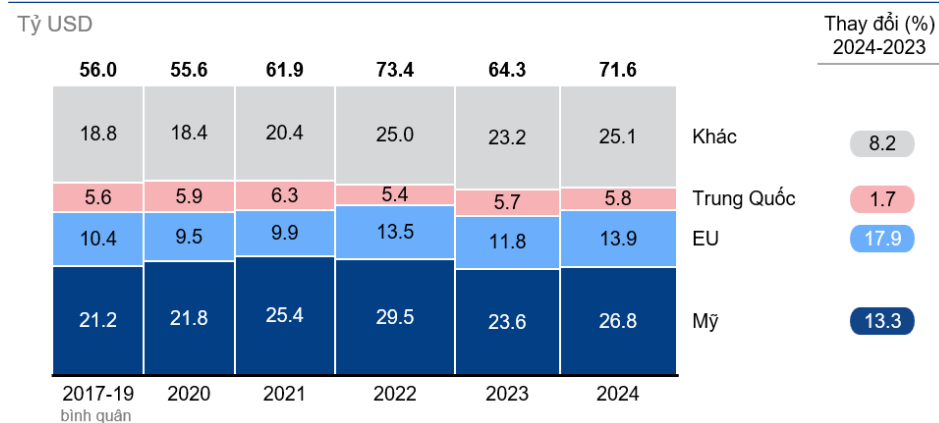
Trong 2024, KNXK của nhóm giày dép tăng cao hơn so với các sản phẩm dệt may



Nguồn: CEIC, Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 19: KNXK SP dệt may & giày dép của Việt Nam theo các đối tác lớn

Xuất khẩu dệt may & giày dép ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất tại thị trường EU



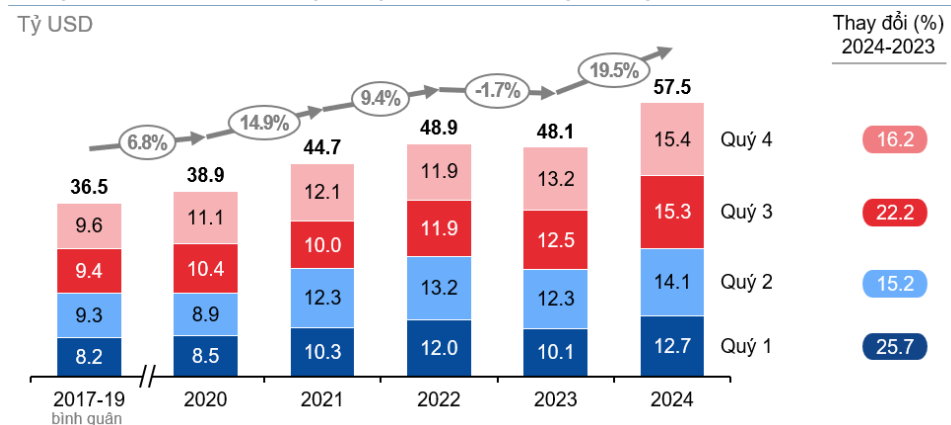
Nguồn: CEIC, Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Cơ cấu KNXK nông sản

KNXK nông sản (đóng góp khoảng 14% tổng KNXK) tăng mạnh 19,5% trong 2024, mức tăng cao nhất từ 2011, nhờ nhu cầu mạnh mẽ từ Trung Quốc và ASEAN. Các nhóm sản phẩm quan trọng như cà phê, gạo, rau quả tiếp tục tăng trưởng ấn tượng, trong khi thủy sản & gỗ cũng phục hồi sau khi sụt giảm trong 2023.

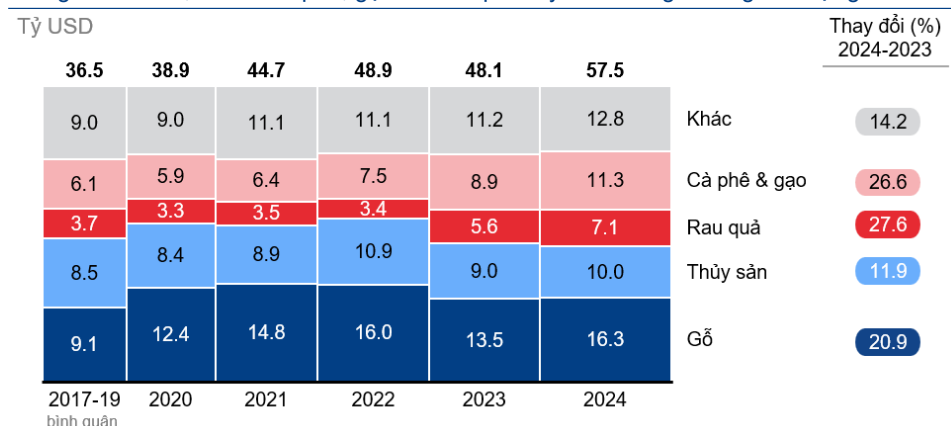
Biểu đồ 20: KNXK nông sản của Việt Nam

Trong năm 2024, KNXK nông sản ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011



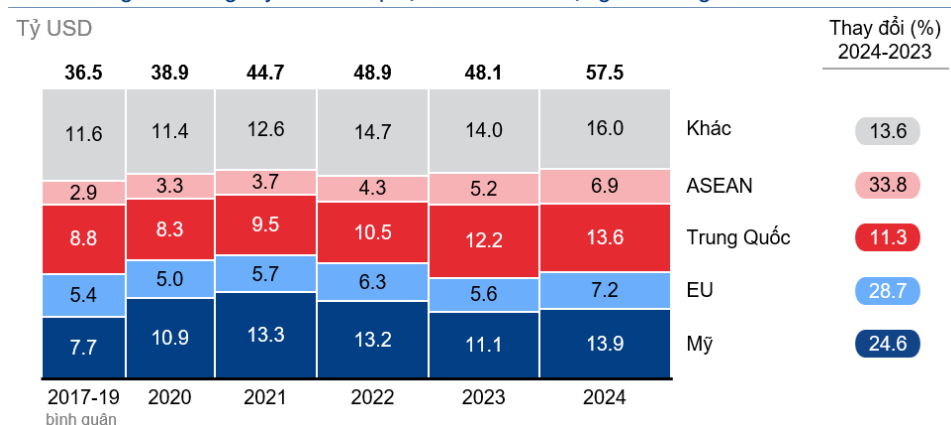
Biểu đồ 21: KNXK nông sản của Việt Nam theo phân nhóm sản phẩm

Trong năm 2024, KNXK cà phê, gạo và rau quả duy trì đà tăng trưởng ấn tượng



Biểu đồ 22: KNXK nông sản của Việt Nam theo các đối tác lớn

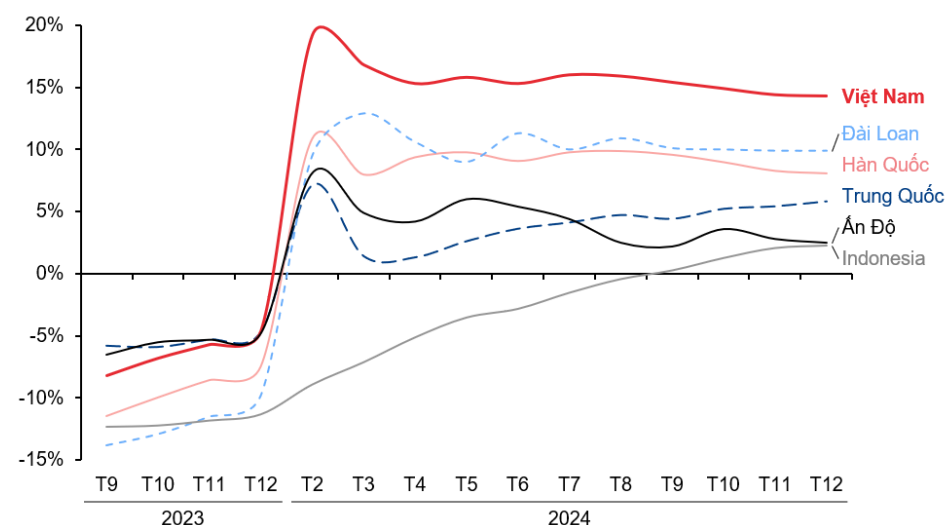
KNXK nông sản sang Mỹ & EU đã phục hồi sau khi sụt giảm trong năm 2023



Tăng trưởng thương mại của Việt Nam tiếp tục vượt trội so với các quốc gia trong khu vực

Biểu đồ 23: Tăng trưởng KNXK tại một số nền kinh tế

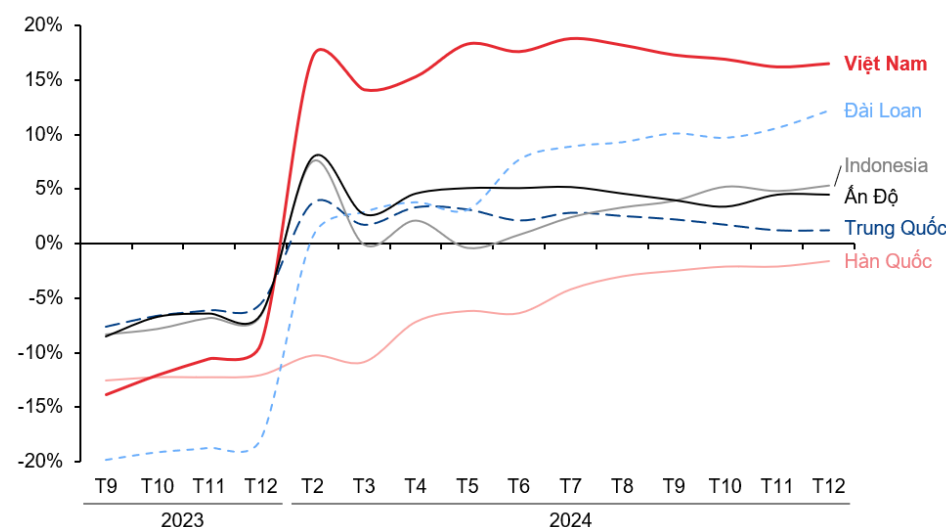
KNXK của Việt Nam tiếp tục tăng cao hơn so các quốc gia khác trong khu vực trong 2024



Nguồn: CEIC, Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Biểu đồ 24: Tăng trưởng KNNK tại một số nền kinh tế

KNXK của Việt Nam tiếp tục tăng cao hơn so các quốc gia khác trong khu vực trong 2024



Nguồn: CEIC, Tổng cục Hải quan Việt Nam, HSC

Bảng 25: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2018	2019	2020	2021	2022	2023E	2024E	2025F	2026F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,000	26,000
Tỷ giá (VND: CNY)	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,514	3,514
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.47	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	7.09	6.70	5.80
GDP (tỷ USD)	304	332	346	370	408	434	476	488	532
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,558	3,757	4,101	4,324	4,702	4,777	5,157
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	1.89	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.50	4.20	3.69	3.20
Nợ công/GDP (%)	46.2	42.8	43.8	44.7	38.0	38.8	37.6	37.8	38.2
Nợ Chính phủ/GDP (%)	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	35.8	28.3	29.4	30.4
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.21	2.09	2.71	2.55	3.08	3.48	3.47	3.71	3.47
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	135.0	139.5	144.7
FDI giải ngân / FDI (%)	6.3	6.1	5.8	5.3	5.5	5.3	5.3	5.5	5.3
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.26	2.24	2.30	2.30
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.4	3.3
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.4	3.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.75	5.00
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	3.8	3.3
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.5	14.0	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,759	19,890	22,277
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	11.0	12.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	79	95	107	85	90	80	85	95
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	6.0	6.2
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.0	3.1
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.2	3.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.8	27.5	25.3
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	20.0	18.0	17.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	238	253	263	333	360	326	381	423	456
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	11.0	8.5
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	245	264	283	336	372	355	406	450	484
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.3	11.0	7.5
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	110	123	129	140	148	159	174	189	204
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.1	36.9	37.3	37.7	36.2	36.6	36.5	38.7	38.3
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	26.9	27.9
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	35.6	35.6
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	51.0	51.0
Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	8.3	7.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	9.0	8.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	8.8	7.0
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	8.5	8.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn